TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2024/DS-PT
Ngày: 07/3/2024
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vĩnh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Chí Dũng

Ông Ngô Tấn Lợi

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Xuyến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Đỗ Trung Đến, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 21, 29/02/2024 và ngày 07/3/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 385/2023/TLPT-DS ngày 22/11/2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 83/2023/DS-ST ngày 29/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2024/QĐ-PT ngày 22 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện ủy quyền của chị Nguyễn Thị Kim P là Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số 47, đường N, Phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 15/01/2024).

2. Bị đơn:

- Chị Võ Thị Ngọc L, sinh năm 1982.

- Anh Hà Thanh P, sinh năm 1981.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện ủy quyền của anh Hà Thanh P, chị Võ Thị Ngọc L: Ông Trần Thanh H, sinh năm 1963 (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 04/3/2024).

4. Người kháng cáo: Chị Võ Thị Ngọc L.

Có mặt: Chị Nguyễn Thị Thanh T, chị Võ Thị Ngọc L, ông Trần Thanh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn Nguyễn Thị Kim P, đại diện ủy quyền chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày: Chị Võ Thị Ngọc L và anh Hà Thanh P có vay của chị Nguyễn Thị Kim P nhiều lần, cụ thể:

- Từ ngày 06/3 đến 08/3/2022, chị L, anh P vay của chị P nhiều lần với tổng số tiền là 700.000.000 đồng. Đến ngày 05/4/2022, chị L, anh P đã trả khoản tiền vay nêu trên cho chị P xong.

- Ngày 20/3/2022, chị L, anh P có vay của chị P số tiền 350.000.000 đồng, với hình thức chuyển khoản.

- Ngày 13/4/2022, ngày 14/4/2022, chị L, anh P vay của chị P nhiều lần với tổng số tiền là 1.450.000.000 đồng (có làm Biên nhận do chị L ký tên).

- Ngày 17/4/2022, chị L, anh P vay của chị P 650.000.000 đồng (có làm Biên nhận do chị L, anh P ký tên). Ngày 29/8/2022 và ngày 30/8/2022, chị L, anh P đã trả cho chị P 500.000.000 đồng, còn lại số tiền 150.000.000 đồng.

Đối với các khoản vay nêu trên, chị P và chị L, anh P đều thỏa thuận lãi suất 1,66%/tháng, không xác định thời hạn trả, khi chị P cần thì thông báo cho chị L, anh P biết và trả nợ cho chị P. Tuy nhiên, chị P đã nhiều lần yêu cầu chị L, anh P trả các khoản vay nhưng đến nay chị L, anh P không trả.

Ngoài ra, chị L có tham gia 01 dây hụi do chị P làm chủ. Hụi 5.000.000đồng/tháng, mở hụi ngày 04/9/2022, gồm 20 hụi viên. Ngày 04/11/2022, chị L lãnh hụi với số tiền 83.300.000 đồng, chị P đã trừ 80.000.000 đồng tiền hụi đã lãnh vào tiền lãi của các khoản vay khác không liên quan trong vụ án này, còn lại 3.300.000 đồng chị P đã giao chị L xong.

Nay chị P yêu cầu: chị L và anh P liên đới trả số tiền gốc là 1.950.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 30/10/2022 - 29/6/2023 là 08 tháng x lãi suất 1,66%/tháng = 258.960.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 2.208.960 đồng.

Bị đơn chị Võ Thị Ngọc L, anh Hà Thanh P; anh P ủy quyền cho chị L trình bày: chị L có quen biết chị P do chị P ở đối diện nhà chị L nên chị L, anh P có vay của chị P nhiều lần, với mức lãi suất 4%/tháng, cụ thể:

- Từ ngày 06/3 đến ngày 08/3/2022 chị L, anh P có vay nhiều lần với tổng số tiền là 700.000.000 đồng. Đến ngày 05/4/2022, chị L đã trả khoản vay nêu trên cho chị P xong.

- Ngày 20/3/2022 chị L, anh P có vay của chị P 350.000.000 đồng, khoản vay này chị L, anh P đã trả cho chị P xong.

- Ngày 13/4, ngày 14/4/2022, chị L, anh P vay của chị P nhiều lần với tổng số tiền là 1.450.000.000 đồng, có làm Biên nhận do chị L ký tên.

- Ngày 17/4/2022, chị L, anh P vay của chị P số tiền là 650.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng), có làm Biên nhận do chị L, anh P ký tên. Ngày 29/8/2022, chị L, anh P đã trả cho chị P số tiền gốc 250.000.000 đồng; ngày 30/8/2022 tiếp tục trả số tiền gốc 250.000.000 đồng, tổng cộng là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng), còn lại số tiền gốc là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Ngoài ra, chị L có tham gia 01 dây hụi do chị P làm chủ. Hụi 5.000.000 đồng/tháng, mở hụi ngày 04/9/2022, gồm 20 hụi viên. Ngày 04/11/2022, chị L lãnh hụi với số tiền 83.300.000 đồng, chị P chỉ giao cho chị L số tiền 3.300.000 đồng, chị P giữ lại số tiền 80.000.000 đồng để trừ vào tiền gốc của các khoản vay nêu trên.

Như vậy, chị L, anh P vay của chị P tổng số tiền là 2.800.000.000 đồng, đã trả số tiền 1.280.000.000 đồng, còn lại số tiền 1.520.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm hai mươi triệu đồng).

Nay, chị Võ Thị Ngọc L, anh Hà Thanh P đồng ý trả cho chị Nguyễn Thị Kim P số tiền 1.520.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật.

Bản án dân sự sơ thẩm số 83/2023/DS-ST ngày 29/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim P.

Buộc chị Võ Thị Ngọc L và anh Hà Thanh P liên đới trả cho chị P số tiền gốc là 1.870.000.000 đồng và tiền lãi là 124.279.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 1.994.279.000 đồng (Một tỷ chín trăm chín mươi bốn triệu hai trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kim P về việc yêu cầu chị Võ Thị Ngọc L và anh Hà Thanh P liên đới trả cho chị P số tiền gốc là 80.000.000 đồng và tiền lãi là 134.681.000. Tổng cộng gốc và lãi là 214.681.000 đồng (Hai trăm mười bốn triệu sáu trăm tám mươi mốt nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015**.**

3. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, số: 01/2023/QĐ-BPKCTT ngày 09/01/2023 về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" để đảm bảo thi hành án.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Võ Thị Ngọc L và anh Hà Thanh P phải chịu là 71.828.000 đồng (Bảy mươi mốt triệu tám trăm hai mươi tám nghìn đồng).

Chị Nguyễn Thị Kim P phải chịu là 10.734.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 38.800.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án án số 0014930, ngày 16/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Hoàn trả cho chị P số tiền 28.066.000 đồng.

- Sau khi án sơ thẩm xử, ngày 10/7/2023 bị đơn Võ Thị Ngọc L kháng cáo yêu cầu xem xét lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim P, đại diện ủy quyền chị Nguyễn Thị Thanh T không đồng ý yêu cầu kháng cáo của chị L, đề nghị giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

+ Bị đơn chị L, ông Phong vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, không đồng ý trả số tiền vay ngày 20/3/2022 là 350.000.000 đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

+ Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của chị L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc vay tiền giữa chị P và chị L là có thật. Từ tháng 3/2022, chị P có cho chị L vay tiền nhiều lần. Các ngày 13, 14 và 17/4/2022, chị L vay tổng số tiền 2.100.000.000 đồng, đã trả 500.000.000 đồng và trừ tiền hụi 80.000.000 đồng, chị L đồng ý tiếp tục trả 1.520.000.000 đồng. Hai bên chỉ tranh chấp số tiền vay 350.000.000 đồng vào ngày 20/3/2022. chị L kháng cáo không đồng ý trả số tiền vay 350.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét các căn cứ kháng cáo của chị L:

[1] Hai bên thừa nhận, ngày 20/3/2022 chị P cho chị L vay 350.000.000 đồng. chị P chuyển tiền vào tài khoản số 070048910902 tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, chủ tài khoản Trần Hoàng V do chị L cung cấp.

[2] Tại phiên tòa ngày 29/02/2024, chị L trình bày ngày 05/4/2022, đã trả cho chị P 700.000.000 đồng là trả hết tiền vay, kể cả 350.000.000 đồng vay ngày 20/3/2022. chị L nêu ra căn cứ là biên nhận nợ 700.000.000 đồng để tổng kết lại những khoản tiền còn nợ để trả vào ngày 05/4/2022.

Xét biên nhận nợ 700.000.000 đồng, hai bên thống nhất chị L ghi nội dung, khi ghi biên nhận không ghi ngày. chị P thừa nhận sau này mới ghi ngày, ban đầu ghi 08/4/2022 là nhầm lẫn, sau khi kiểm tra kỹ đã sửa thành 08/3/2022.

chị L không đồng ý biên nhận được ghi vào ngày 08/3/2022, nhưng không xác định được ngày ghi biên nhận nợ, không chứng minh được biên nhận viết sau khoản vay 350.000.000 đồng ngày 20/3/2022 hay có nội dung tổng kết nợ để trả vào ngày 05/4/2022.

Xét biên nhận có chỉnh sửa từ ngày 08/4/2022 thành ngày 08/3/2022, nếu ghi ngày 08/4/2022 là sau ngày chị L trả 700.000.000 đồng (ngày 05/4/2022), cũng không chứng minh được lời trình bày của chị L. Mặt khác, nếu ghi tháng 4 là chị L có khoản vay khác vào ngày 08/4/2022. Cho nên, chị P thừa nhận biên nhận nợ ngày 08/3/2024 là có cơ sở và có lợi cho chị L.

Như vậy, việc chị L xuất trình biên nhận nợ 700.000.000 đồng là không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 07/3/2024, ông Trần Thanh H là người đại diện theo ủy quyền của chị L cho rằng ngày 20/3/2022 chị L vay 350.000.000 đồng và trước đó có vay 110.000.000 đồng, nên ngày 25/3/2022 đã trả 470.000.000 đồng. Trình bày này của ông H không được chị T là người đại diện theo ủy quyền của chị P thừa nhận. Mặc dù, ngày 25/3/2022 chị P có nhận của chị L số tiền 470.000.000 đồng nhưng không ghi rõ nội dung trả khoản nợ nào, trong khi ngày 24/3/2022 chị L có hỏi vay thêm 200.000.000 đồng, cộng với 350.000.000 đồng là 550.000.000 đồng, không trùng khớp với số tiền 470.000.000 đồng. Tóm lại, chị L không chứng minh được số tiền vay 110.000.000 đồng, việc trả tiền cho các khoản vay nào, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận.

[4] chị L cho rằng các lần vay tiền và trả tiền đều có ghi vào một quyển sổ do chị P quản lý. Tuy nhiên, chị L không cung cấp được quyển sổ để Hội đồng xét xử xem xét.

[5] Ngược lại, Hội đồng xét xử xét thấy chị P và chị L có thiết lập hợp đồng vay thông qua tin nhắn trên zalo. Các bên thừa nhận tên zalo "Ka ka H" là tài khoản zalo của chị L. Ảnh chụp màn hình nhắn tin zalo từ bút lục số 22 – 60 là tin nhắn giữa chị P và chị L.

Tại bút lục số 35, 36 thể hiện ngày 05/4/2022 chị L đã trả cho chị P 700.000.000 đồng bằng 02 lần chuyển khoản. Cùng ngày chị P có tin nhắn "tiền lời 24tr", "Vậy e còn 350tr", chị L trả lời "dạ chị". Như vậy, ngày 05/4/2022, sau khi trả xong số tiền 700.000.000 đồng chị L vẫn xác nhận nợ của chị P 350.000.000 đồng. Tại bút lục số 49 ngày 06/6/2022, hai bên tổng kết nợ "vốn 2.450tỷ". Tại bút lục số 53 ngày 26/8/2022 chị P có gửi hình chụp ghi nợ: Phần 350tr 5 tháng 52.500.000 đồng, phần 2 tỷ1 lãi 4,5 tháng 283.500.000 đồng, tổng cộng 2.786.000.000 đồng, là đúng với thời gian vay tiền vào ngày 20/3/2022 và ngày 13, 14 và 17/4/2022. Tại bút lục số 55, 56, 57 tin nhắn ngày 08/9/2022 chị L gửi lại hình chụp ghi nợ nêu trên với tin nhắn "Vậy tổng đây phải không chị", "vậy chị lấy cái tổng đó trừ ra 500tr dùm e".

Như vậy, đến ngày 08/9/2022 chị L vẫn thừa nhận nợ chị P tổng số tiền gốc 2.450.000.000 đồng, bao gồm 350.000.000 đồng vay ngày 20/3/2022 và 2.100.000.000 đồng vay vào các ngày 13,14 và 17/4/2022. Đã trả 500.000.000 đồng còn 1.950.000.000 đồng, tại Tòa án tiếp tục cấn trừ tiền hụi 80.000.000 đồng, còn lại tiền nợ gốc là 1.870.000.000 đồng là phù hợp với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Từ sau ngày 08/9/2022, chị L không trả cho chị P số tiền nào khác.

[6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy chị Võ Thị Ngọc L kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện buộc chị L và anh P liên đới trả cho chị P số tiền gốc là 1.870.000.000 đồng và tiền lãi là 124.279.000 đồng là phù hợp. Nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị L, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án huyện C.

[7] Tuy nhiên, phần quyết định của bản án tuyên nội dung tính lãi chậm thực hiện nghĩa vụ là chưa phù hợp nên điều chỉnh cách tuyên nhằm đảm bảo bản án được thuận lợi khi thi hành.

[8] Đại diện Viện kiểm sát tỉnh Đồng Tháp đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị L, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm là phù hợp nên chấp nhận.

[9] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[10] Do giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm, nên chị Võ Thị Ngọc L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, Khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Võ Thị Ngọc L.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 83/2023/DS-ST ngày 29/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện C.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim P.

Buộc chị Võ Thị Ngọc L và anh Hà Thanh P liên đới trả cho chị P số tiền gốc là 1.870.000.000 đồng và tiền lãi là 124.279.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 1.994.279.000 đồng (Một tỷ chín trăm chín mươi bốn triệu hai trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kim P về việc yêu cầu chị Võ Thị Ngọc L và anh Hà Thanh P liên đới trả cho chị P số tiền gốc là 80.000.000 đồng và tiền lãi là 134.681.000. Tổng cộng gốc và lãi là 214.681.000 đồng (Hai trăm mười bốn triệu sáu trăm tám mươi mốt nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án mà người có nghĩa vụ chậm thực hiện nghĩa vụ của mình thì hằng tháng phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, số: 01/2023/QĐ-BPKCTT ngày 09/01/2023 về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" để đảm bảo thi hành án.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Võ Thị Ngọc L và anh Hà Thanh P phải chịu là 71.828.000 đồng (Bảy mươi mốt triệu tám trăm hai mươi tám nghìn đồng).

Chị Nguyễn Thị Kim P phải chịu là 10.734.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 38.800.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án án số 0014930, ngày 16/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Hoàn trả cho chị P số tiền 28.066.000 đồng.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Võ Thị Ngọc L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào 300.00 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004258 ngày 26/7/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- Phòng KTNV và THA;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS x.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Vĩnh